

Số: 204/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 07 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 315/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị A, sinh năm 1998; HKTT: Thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Có ông Lê Đình T, sinh năm 1977 là cha ruột của chị Lê Thị A làm đại diện; Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966 là mẹ ruột của anh Trần Quốc T làm đại diện; Địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người phiên dịch: Chị Phạm Thị Thúy L, giáo viên Trung tâm hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Phú Yên; Địa chỉ: 02 P, phường .., thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị A, sinh năm 1998 và anh Trần Quốc T, sinh năm 1992.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung tên là Trần Quốc T, sinh ngày 08/3/2019. Hiện nay cháu T đang sống với chị A. Ly hôn, chị A và anh T thống nhất giao cháu Trần Quốc T cho chị Lê Thị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị A và anh T thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị A tự nguyện chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001547 ngày 10/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên nên hoàn lại cho chị A 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND Tp. T;
 - Chi cục THADS Tp. T;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Q, h.Q
- tỉnh Thanh Hóa; (số 18/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Tân Sang